

Thực địa
 Châm mềo (lá)
 Đơn châu chấu
 Hoàng liên (gai. ô rô)
 Hoàng bá nam (núc nác)
 Nhân trần Trung quốc
 Hy thiêm
 Linh chi
 Rau má
 Râu ngô
 Sơn đậu căn
 Vẩy rồng
 Dành dành
 Nhân trần VN
 Nghệ vàng
 Bồ công anh
 Thăng ma
 Thiên ma
 Hoàng liên
 Xu xì

5. Thuốc về hệ thần kinh não

5.1. An thần (tranquilisant), chữa mất ngủ :

Bá tử nhân
 Câu đằng
 Dành dành
 Đại táo
 Đan sâm
 Đỗ trọng bắc
 Đương quy
 Độc hoạt
 Hà thủ ô đỏ (dây)
 Phục linh (Phục thần)
 Bối mẫu xuyên
 Hoàng cầm
 Hoàng liên
 Hồ phách
 Long nhãn
 Linh chi
 Muồng muồng ngu (hạt)
 Mơ (hoa)
 Táo chua (nhân)
 Sen (tâm)

Sài hồ
 Viễn chí
 Xích thực

5.2. Trẻ em khóc đêm :

Thiên trúc hoàng
 Thuyền thoái (xác lột ve sấu)

5.3. Giảm đau hệ thần kinh - (neurosedatif) :

Câu đằng
 Thăng ma
 Xuyên khung

5.4. Chống Stress

Ngũ gia bì gai
 Hương nhu ría
 Nhân sâm

5.5. Lưu thông não :

Câu kỷ tử
 Xích thực
 Xuyên khung

5.6. Thiên đầu thống :

Bán hạ TQ
 Thăng ma

5.7. Chữa viêm não

Châm mềo (rễ)

5.8. Chống co giật, kinh giật (anticonvulsif) :

Câu đằng
 Hồ hoàng liên
 Hồ phách
 Mẫu đơn bì
 Viễn chí
 Phòng phong
 Phụ tử
 Thăng ma (động kinh)
 Thiên ma
 Thiên trúc hoàng
 Xích thực

5.9. Chống co thắt (antispasmodic) :

Bạch thực